

**BCH ĐOÀN TỈNH KIÊN GIANG**

**ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH**

\*\*\*

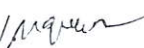
Số: 1699 -CV/TĐTN-BPT

Rạch Giá, ngày 18 tháng 9 năm 2022

"V/v báo cáo kết quả tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của BCH TW Đảng khóa IX giai đoạn 2003 - 2023"

**Kính gửi: Ban Thường vụ các huyện, thành đoàn, đoàn trực thuộc.**

Thực hiện Công văn số 10450-CV/TWĐTN-ĐKTHTN, ngày 10/9/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đoàn về việc báo cáo kết quả tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của BCH TW Đảng khóa IX giai đoạn 2003 –2023 về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 23-NQ/TW khóa XI), Ban Thường vụ tỉnh Đoàn đề nghị Ban Thường vụ các huyện, thành đoàn, đoàn trực thuộc xây dựng báo cáo đánh giá kết quả 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW khóa XI (theo đề cương báo cáo gửi kèm).

Các đơn vị gửi báo cáo về Ban Thường vụ tỉnh Đoàn (qua Ban Phong trào tỉnh đoàn) **trước ngày 7/10/2022 (thứ sáu)**, địa chỉ email: Banphongtraotdkg@gmail.com, đề nghị các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. Mọi thông tin trao đổi liên hệ đồng chí Thạch Thừa, Chuyên viên Ban Phong trào tỉnh đoàn, SĐT 0989.977.713. 

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: VP.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ĐOÀN**

**PHÓ BÍ THƯ**



**Thị Phương Hồng**



## **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh**

-----

### **Phần thứ nhất**

#### **KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 23-NQ/TW**

##### **I. BỐI CẢNH THỜI ĐIỂM TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT**

###### **1. Bối cảnh**

- Khái quát bối cảnh địa phương tại thời điểm Nghị quyết bắt đầu được triển khai, đặc biệt trên các khía cạnh chính trị-kinh tế-xã hội của địa phương; nêu bật sự khác biệt trong bối cảnh hiện nay so với thời điểm đó nếu cần thiết.

###### **2. Tình hình thanh niên**

- Đánh giá tình hình thanh niên địa phương ở thời điểm nghị quyết bắt đầu được triển khai

##### **II. KẾT QUẢ 20 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 23-NQ/TW**

###### **1. Khái quát tình hình**

*1.1. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội, nêu bật những điểm thuận lợi và khó khăn chính trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.*

*1.2. Đánh giá, nhận định về tình hình, tư tưởng, tâm trạng của các tầng lớp thanh niên tại địa phương.*

###### **2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW**

*2.1. Công tác tổ chức quán triệt và học tập nghị quyết (số lượng tổ chức các hội nghị, diễn đàn tìm hiểu về nghị quyết, tương ứng với đó là nội dung, hình thức, số lượng đoàn viên, thanh niên tham dự, cách thức triển khai cụ thể...).*

*2.2. Công tác cụ thể hoá nghị quyết bằng các nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch thực hiện triển khai các nội dung lồng ghép.*

*2.3. Liệt kê các văn bản phối hợp giữa các cấp bộ đoàn với chính quyền, đoàn thể các cấp đã được ban hành nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết (nêu rõ*

số lượng đầu mối phối hợp, số lượng các chương trình phối hợp đã triển khai, qua đó đã tạo hiệu quả như thế nào trong công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện ở cấp tỉnh, cấp huyện và cấp cơ sở).

2.4. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết: Kết quả tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát (theo chuyên đề hoặc lồng ghép kiểm tra theo định kỳ): Số lượng cụ thể và kết quả đạt được sau kiểm tra, giám sát.

### **3. Kết quả thực hiện công tác đoàn kết tập hợp thanh niên**

3.1. Đánh giá hiệu quả của các công tác nâng cao nhận thức của đoàn viên, thanh niên địa phương về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

3.2. Kết quả các hoạt động đoàn kết tập hợp thanh niên

3.2.1. Công tác đoàn kết tập hợp thanh niên cho đối tượng thanh niên nông thôn.

3.2.2. Công tác đoàn kết tập hợp thanh niên cho đối tượng thanh niên công nhân.

3.2.3. Công tác đoàn kết tập hợp thanh niên cho đối tượng thanh niên là học sinh, sinh viên

3.2.4. Công tác đoàn kết tập hợp thanh niên cho đối tượng trí thức trẻ, thanh niên dân tộc, thanh niên đặc thù.

3.2.5. Công tác đoàn kết tập hợp thanh niên cho đối tượng doanh nhân trẻ

3.2.6. Công tác đoàn kết tập hợp thanh niên cho đối tượng thanh niên tôn giáo

3.2.7. Công tác đoàn kết tập hợp thanh niên địa phương là người Việt Nam ở nước ngoài.

3.2.8. Công tác xây dựng Đoàn và đổi mới phương thức hoạt động của Đoàn để thanh niên là hạt nhân trong khối đại đoàn kết dân.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

1. Nêu bật những điểm tốt và những hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 23.

1.1. Ưu điểm và nguyên nhân của ưu điểm

1.2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế

2. Bài học kinh nghiệm: đúc kết những bài học kinh nghiệm từ quá trình triển khai Nghị quyết 23.

**Phần thứ hai**  
**NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG THỜI GIAN TỚI**

**I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TRONG THỜI GIAN TỚI**

- Đánh giá những điểm thuận lợi và khó khăn lớn trong tình hình quốc tế, trong nước tác động đến việc thực hiện Nghị quyết trong thời gian tới tại địa phương, đơn vị.

- Chỉ ra và phân tích những vấn đề mới, nội dung cần quan tâm để nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát huy sức mạnh đoàn kết tập hợp thanh niên vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh trong thời gian tới. Tại địa phương, đơn vị.

**II. QUAN ĐIỂM**

- Quan điểm của tổ chức Đoàn tại địa phương về những diễn biến và xu thế vĩ mô nêu trên, chỉ ra những cơ hội và thách thức lớn đối với phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đặc biệt trong các vấn đề liên quan tới các đối tượng thanh thiếu niên tại địa phương.

**III. MỤC TIÊU:**

**IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:**

- Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị cho thanh niên
- Tổ chức các phong trào tình nguyện và xung kích của thanh niên
- Tổ chức các chương trình đồng hành với thanh niên
- Công tác xây dựng Đoàn, mở rộng mặt trận đoàn kết tập hợp thanh niên

**V. KIẾN NGHỊ**

- Các đề xuất liên quan tới nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục nhận thức chính trị, đạo đức cách mạng cho thanh niên trong thời gian tới.

- Các đề xuất liên quan tới khuyến khích thanh niên lập nghiệp, khởi nghiệp và thích ứng với môi trường làm việc đang thay đổi nhanh chóng trong thời đại 4.0.

- Các đề xuất nhằm mở rộng mặt trận đoàn kết tập hợp thanh niên.

-----



Cơ quan/đơn vị.....

## PHỤ LỤC

Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản trịệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cấp tỉnh

-----

| Phụ lục 2 |  |   |   |
|-----------|--|---|---|
| STT       | NỘI DUNG   | KẾT QUẢ   | YÊU CẦU   |
| I         | Về tổ chức triển khai Nghị quyết (Từ năm 2003 đến nay)   |   |   |
| 1.        | Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết  |   |   |
|           | - Số cuộc hội nghị quán triệt riêng  | ..... cuộc  |   |
|           | - Số cuộc phối hợp tổ chức quán triệt Nghị quyết trong các Hội nghị chuyên đề liên quan khác   | .....cuộc   |   |
|           | Số lượng, tỷ lệ đảng viên nghiên cứu, học tập nghị quyết   | ....Người; .....% tỷ lệ đảng viên   |   |
| 2.        | Xây dựng, ban hành Chỉ thị/ Chương trình hành động/Kế hoạch thực hiện Nghị quyết (nêu rõ số lượng văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết được ban hành ở từng cấp dưới đây) | - Cấp tỉnh và tương đương: ....<br>- Cấp huyện và tương đương:....<br>- Cấp xã và tương đương:.....                 | Trích yếu văn bản Chỉ thị/Chương trình/kế hoạch triển khai Nghị quyết |
| 3.        | Tổ chức hướng dẫn kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết ở Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh, thành phố (tích dấu V vào phương án trả lời ở cột Kết quả)            | - Hàng năm <input type="checkbox"/><br>- 2 năm/lần <input type="checkbox"/><br>- 3 năm/lần <input type="checkbox"/> |   |

|            |   |   |   |  |
|------------|---|---|---|--|
|            |   |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không kiểm tra, giám sát <input type="checkbox"/></li> <li>- Hàng năm <input type="checkbox"/></li> <li>- 2 năm/lần <input type="checkbox"/></li> <li>- 3 năm/lần <input type="checkbox"/></li> <li>- Không kiểm tra, giám sát <input type="checkbox"/></li> </ul> | Nêu rõ lý do không tổ chức kiểm tra, giám sát:       |
| 4.         | Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết ở Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh, thành phố (tích dấu V vào phương án trả lời ở cột Kết quả) |   |   |  |
| 5.         | Tổng số cuộc kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết đã được triển khai  | .....cuộc   |   |  |
| 6.         | Tổng số cuộc kiểm tra, giám sát công tác sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết   | .....cuộc   |   |  |
| <b>II</b>  | <b>Về xây dựng, củng cố tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cấp tỉnh</b>  |   |   |  |
| 1.         | Số lượng cán bộ được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo đối tượng, lĩnh vực...   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp tỉnh và tương đương: ....</li> <li>- Cấp huyện và tương đương:....</li> <li>- Cấp xã và tương đương:.....</li> </ul> | Tính từ năm 2003 đến năm 2022   |  |
| 2.         | Số lượng cán bộ được cử đi luân chuyển, tạo nguồn theo đối tượng, lĩnh vực...   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp tỉnh và tương đương: ....</li> <li>- Cấp huyện và tương đương:....</li> <li>- Cấp xã và tương đương:.....</li> </ul> | Tính từ năm 2003 đến năm 2022   |  |
| 3.         | Số lượng cán bộ được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ở nước ngoài theo đối tượng, lĩnh vực   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp tỉnh và tương đương: ....</li> <li>- Cấp huyện và tương đương:....</li> <li>- Cấp xã và tương đương:.....</li> </ul> | Tính từ năm 2003 đến năm 2022   |  |
| <b>III</b> | <b>Số lượng cán bộ của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cấp tỉnh phó tham gia các cấp lãnh đạo, quản lý ở Trung ương và địa phương</b>                             |   |   | So sánh nhiệm kỳ trước/sau có Nghị quyết số 23-NQ/TW |



|    |   |  |                               |
|----|---|--|-------------------------------|
| 1. | Số lượng cán bộ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cấp tỉnh tham gia cấp uỷ Đảng các cấp nhiệm kỳ        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- NK 2005-2010:.....</li> <li>- NK 2010-2015:.....</li> <li>- NK 2015-2020:.....</li> <li>- NK 2020-2025:.....</li> </ul> | Tính từ năm 2003 đến năm 2022 |
|    | + Cấp tỉnh/ngành và tương đương   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- NK 2005-2010:.....</li> <li>- NK 2010-2015:.....</li> <li>- NK 2015-2020:.....</li> <li>- NK 2020-2025:.....</li> </ul> |                               |
|    | + Cấp huyện/tương đương   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- NK 2005-2010:.....</li> <li>- NK 2010-2015:.....</li> <li>- NK 2015-2020:.....</li> <li>- NK 2020-2025:.....</li> </ul> |                               |
|    | + Cấp xã/tương đương  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- NK 2005-2010:.....</li> <li>- NK 2010-2015:.....</li> <li>- NK 2015-2020:.....</li> <li>- NK 2020-2025:.....</li> </ul> |                               |
| 2. | Số lượng cán bộ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh, thành phố là Đại biểu Quốc hội qua các nhiệm kỳ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- NK 2005-2010:.....</li> <li>- NK 2010-2015:.....</li> <li>- NK 2015-2020:.....</li> <li>- NK 2020-2025:.....</li> </ul> | Tính từ năm 2003 đến năm 2022 |
|    | + Cấp tỉnh/ngành và tương đương   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- NK 2005-2010:.....</li> </ul>   |                               |

|    |   |  |                               |
|----|---|--|-------------------------------|
|    |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- NK 2010-2015:.....</li> <li>- NK 2015-2020:.....</li> <li>- NK 2020-2025:.....</li> </ul>                               |                               |
|    | + Cấp huyện/tương đương   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- NK 2005-2010:.....</li> <li>- NK 2010-2015:.....</li> <li>- NK 2015-2020:.....</li> <li>- NK 2020-2025:.....</li> </ul> |                               |
|    | + Cấp xã/tương đương  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- NK 2005-2010:.....</li> <li>- NK 2010-2015:.....</li> <li>- NK 2015-2020:.....</li> <li>- NK 2020-2025:.....</li> </ul> |                               |
| 3. | Số lượng cán bộ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh, thành phố là đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ qua các nhiệm kỳ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- NK 2005-2010:.....</li> <li>- NK 2010-2015:.....</li> <li>- NK 2015-2020:.....</li> <li>- NK 2020-2025:.....</li> </ul> | Tính từ năm 2003 đến năm 2022 |
|    | + Cấp tỉnh/ngành và tương đương   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- NK 2005-2010:.....</li> <li>- NK 2010-2015:.....</li> <li>- NK 2015-2020:.....</li> <li>- NK 2020-2025:.....</li> </ul> |                               |
|    | + Cấp huyện/ và tương đương   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- NK 2005-2010:.....</li> <li>- NK 2010-2015:.....</li> <li>- NK 2015-2020:.....</li> <li>- NK 2020-2025:.....</li> </ul> |                               |

|           |   |  |  |                                      |
|-----------|---|--|--|--------------------------------------|
|           |   |  | - NK 2020-2025:.....<br>- NK 2005-2010:.....<br>- NK 2010-2015:.....<br>- NK 2015-2020:.....<br>- NK 2020-2025:..... |                                      |
|           | + Cấp xã/và tương đương   |  | - Cấp tỉnh và tương đương: ....<br>- Cấp huyện và tương đương:....<br>- Cấp xã và tương đương:.....                  |                                      |
| <b>IV</b> | <b>Chủ trương, chính sách của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cấp tỉnh nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới</b> |  | - Cấp tỉnh và tương đương: ....<br>- Cấp huyện và tương đương:....<br>- Cấp xã và tương đương:.....                  | <b>Tính từ năm 2003 đến năm 2022</b> |
| 1         | Số tổ chức thành lập mới từ năm 2003 đến nay  |  | - Cấp tỉnh và tương đương: ....<br>- Cấp huyện và tương đương:....<br>- Cấp xã và tương đương:.....                  |                                      |
| 2         | Số lượng công tác viên tham gia nắm bắt, phản ánh tình hình đoàn viên.  |  | - Cấp tỉnh và tương đương: ....<br>- Cấp huyện và tương đương:....<br>- Cấp xã và tương đương:.....                  |                                      |
| 3         | Số lượng đoàn viên được tham gia các cuộc đối thoại định kỳ và đột xuất nhằm hiểu biết các chủ chương, chính sách mới của Đảng, nhà nước                      |  | - Cấp tỉnh và tương đương: ....<br>- Cấp huyện và tương đương:....<br>- Cấp xã và tương đương:.....                  |                                      |
| 4         | Số lớp đào tạo bồi dưỡng chính trị theo các đối tượng, lĩnh vực   |  | - Cấp tỉnh và tương đương: ....<br>- Cấp huyện và tương đương:....<br>- Cấp xã và tương đương:.....                  |                                      |

|    |   |   |
|----|---|---|
| 5  | Số lượng đoàn viên được cử đi tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng chính trị theo các đối tượng, lĩnh vực/tỷ lệ %              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp tỉnh và tương đương: ....</li> <li>- Cấp huyện và tương đương:....</li> <li>- Cấp xã và tương đương:.....</li> </ul> |
| 6  | Số lượng đoàn viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn theo các đối tượng, lĩnh vực/tỷ lệ %                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp tỉnh và tương đương: ....</li> <li>- Cấp huyện và tương đương:....</li> <li>- Cấp xã và tương đương:.....</li> </ul> |
| 7  | Số lượng đoàn viên được cử đi học nghề theo các đối tượng, lĩnh vực/tỷ lệ %   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp tỉnh và tương đương: ....</li> <li>- Cấp huyện và tương đương:....</li> <li>- Cấp xã và tương đương:.....</li> </ul> |
| 8  | Số lượng đoàn viên được tạo việc làm mới sau khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo các đối tượng, lĩnh vực/tỷ lệ % | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp tỉnh và tương đương: ....</li> <li>- Cấp huyện và tương đương:....</li> <li>- Cấp xã và tương đương:.....</li> </ul> |
| 9  | Số lượng đoàn viên được chăm sóc y tế định kỳ (1 năm khám sức khỏe /1 lần) theo từng đối tượng, lĩnh vực/tỷ lệ %              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp tỉnh và tương đương: ....</li> <li>- Cấp huyện và tương đương:....</li> <li>- Cấp xã và tương đương:.....</li> </ul> |
| 11 | Số lượng đoàn viên tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội/tỷ lệ % theo đối tượng, lĩnh vực                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp tỉnh và tương đương: ....</li> <li>- Cấp huyện và tương đương:....</li> <li>- Cấp xã và tương đương:.....</li> </ul> |
| 12 | Số lượng đoàn viên được hưởng chính sách về giáo dục, y tế, an sinh xã hội, ...theo đối tượng, lĩnh vực                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp tỉnh và tương đương: ....</li> <li>- Cấp huyện và tương đương:....</li> <li>- Cấp xã và tương đương:.....</li> </ul> |

|           |   |   |                                     |
|-----------|---|---|-------------------------------------|
| 13        | Số lượng đoàn viên là đồng bào dân tộc thiểu số được hưởng chính sách ưu tiên trong đào tạo, y tế, an sinh xã hội, ...theo đối tượng, lĩnh vực  | - Cấp tỉnh và tương đương: ....<br>- Cấp huyện và tương đương:....<br>- Cấp xã và tương đương:..... | Tính từ năm<br>2003 đến<br>năm 2022 |
| 14        | Số lượng cuộc các vụ việc tiêu cực, tham ô, tham nhũng, làm thất thoát, lãnh phí tài sản của nhà nước và đã được phát giác và đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý theo đối tượng, lĩnh vực  | - Cấp tỉnh và tương đương: ....<br>- Cấp huyện và tương đương:....<br>- Cấp xã và tương đương:..... | Tính từ năm<br>2003 đến<br>năm 2022 |
| 15        | Số lượng đoàn viên, cán bộ Đoàn đã vi phạm, tham ô, tham nhũng, làm thất thoát, lãng phí tài sản của nhà nước... đã bị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo đối tượng, lĩnh vực   | - Cấp tỉnh và tương đương: ....<br>- Cấp huyện và tương đương:....<br>- Cấp xã và tương đương:..... | Tính từ năm<br>2003 đến<br>năm 2022 |
| <i>V</i>  | <i>Mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp thanh niên, nâng cao vị trí, vai trò của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới</i>   |   |                                     |
| 1         | Số lượng thanh niên tự quản ở các thôn, làng, bản, ấp, tổ dân phố được thành lập trên cơ sở hương ước, quy ước không trái pháp luật   | .....thanh niên tự quản   |                                     |
|           | <i>Số lượng đoàn viên đã được tổ chức Đoàn phối hợp với cơ quan nhà nước hỗ trợ, xóa đói giảm nghèo và vươn lên làm giàu</i>  | .....người  |                                     |
| <i>VI</i> | <i>Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, nâng cao trách nhiệm công dân, xây dựng sự đồng thuận xã hội, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước</i>  |   |                                     |
| 1         | Các hình thức tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, của tổ chức Đoàn nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới theo đối tượng, lĩnh vực<br><i>((tích dấu V vào phương án trả lời ở cột Kết quả))</i> | Bảng văn bản<br>Bảng tờ rơi, pano, áp phích..<br>Bảng loa   |                                     |

|   |  |  |
|---|--|--|
|   |  | <p>Tuyên truyền miệng</p> <p>Bảng tạp chí, báo dài,</p> <p>Bảng tin nhắn,</p> <p>Qua Internet</p> <p>Qua room, trực tuyến</p> <p>Bảng hình thức tập tập trung trên hội trường</p> <p>....</p> <p>Ý kiến khác</p> |
| 2 | Số lượng đoàn viên tham gia các phong trào thi đua làm kinh tế giỏi, làm giàu hợp pháp theo đối tượng, lĩnh vực                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp tỉnh và tương đương: ....</li> <li>- Cấp huyện và tương đương:....</li> <li>- Cấp xã và tương đương:.....</li> </ul>  |
| 3 | Số cuộc vận động ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện tiêu cực, tệ nạn xã hội và văn hóa phẩm độc hại                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp tỉnh và tương đương: ....</li> <li>- Cấp huyện và tương đương:....</li> <li>- Cấp xã và tương đương:.....</li> </ul>  |
| 4 | Số lượng đoàn viên, thanh niên tham gia phong trào “cả nước trở thành một xã hội học tập”, “học tập suốt đời” theo đối tượng, lĩnh vực | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp tỉnh và tương đương: ....</li> <li>- Cấp huyện và tương đương:....</li> <li>- Cấp xã và tương đương:.....</li> </ul>  |
| 5 | Số lượng đoàn viên được tôn vinh, biểu dương việc tốt  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp tỉnh và tương đương: ....</li> <li>- Cấp huyện và tương đương:....</li> <li>- Cấp xã và tương đương:.....</li> </ul>  |

| VII | <i>Xây dựng các tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng để Đảng thật sự là hạnh nhân lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân tộc</i> |   | <i>Tính từ năm 2003 đến năm 2022</i> |
|-----|--|---|--------------------------------------|
| 1   | Số lượng Đoàn viên là đảng viên gương mẫu tham gia sinh hoạt và làm nòng cốt trong các tổ chức nhân dân  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp tỉnh và tương đương: ....</li> <li>- Cấp huyện và tương đương:....</li> <li>- Cấp xã và tương đương:.....</li> </ul> |                                      |
| 2   | Số lượng đoàn viên ưu tú được tham gia lớp bồi dưỡng Đảng viên   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp tỉnh và tương đương: ....</li> <li>- Cấp huyện và tương đương:....</li> <li>- Cấp xã và tương đương:.....</li> </ul> |                                      |
| 3   | Số lượng đảng viên được phát triển, tỷ lệ %  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp tỉnh và tương đương: ....</li> <li>- Cấp huyện và tương đương:....</li> <li>- Cấp xã và tương đương:.....</li> </ul> |                                      |

-----

